

TRƯỜNG: THCS NGUYỄN TRÃI
TỔ: TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, KHỐI LỚP 6
Năm học 2022-2023

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 03; Số học sinh: 103; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 3; Trình độ đào tạo: Đại học: 03;

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: 03 Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

3.1 Phân môn lí

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Dụng cụ để HS làm thí nghiệm trong Hình 1.1	4 bộ	Bài 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên	
2	Hình ảnh kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành	4 bộ	Bài 2. An toàn trong phòng thực hành	
3	- Một số dụng cụ đo chiều dài (Thước thẳng, thước cuộn, thước dây...)	4 bộ	Bài 5: Đo chiều dài	
4	- Một số loại cân thông dụng, vật để cân, quả cân...	4 bộ	Bài 6: Đo khối lượng	
5	Hình ảnh, một số loại đồng hồ đo thời gian.	4 bộ	Bài 7: Đo thời gian	
6	- Thiết bị thí nghiệm mô tả	4 bộ	Bài 8: Đo nhiệt độ	

¹Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

	sự nở vì nhiệt của chất lỏng. Một số loại nhiệt kế (Nhiệt kế điện tử, nhiệt kế thủy ngân)			
7	<ul style="list-style-type: none"> - Lực kế có giới hạn đo 1N, 2N...; Quả nặng trọng lượng 1N, 2N; Nam châm; giá thí nghiệm. - Dụng cụ để học sinh làm thí nghiệm về lực tiếp xúc, về lực không tiếp xúc, về biến dạng của vật: Lò xo lá tròn, sợi dây cao su, xe lăn, nam châm... 	<ul style="list-style-type: none"> - 4 bộ - 4 bộ 	Bài 40: Lực là gì?	
8	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại lực kế có giới hạn đo 1N, 2N, 5N...; quả nặng; Giá thí nghiệm; Thước kẻ... 	- 4 bộ	Bài 41: Biểu diễn lực	
9	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại lò xo có chiều dài khác nhau, giá thí nghiệm, quả nặng. 	- 4 bộ	Bài 42: Biến dạng của lò xo	
10	<ul style="list-style-type: none"> - Các dụng cụ để làm thí nghiệm đo trọng lượng: Lực kế, quả nặng... - Lực kế lò xo có các giới hạn đo khác nhau. - Quả nặng 100g, 200g, 500g... - Các dụng cụ để làm thí nghiệm đo trọng lượng: Lực kế, quả nặng... 	<ul style="list-style-type: none"> - 4 bộ - 4 bộ - 4 bộ 	Bài 43: Trọng lượng và lực hấp dẫn	
11	<ul style="list-style-type: none"> - Lực kế có giới hạn đo 1N, 	- 4 bộ	Bài 44: Lực ma sát	

	2N, 5N..., hộp gỗ, quả nặng			
12	- Dụng cụ thí nghiệm về lực cản của nước.	- 4 bộ	Bài 45: Lực cản của nước	
13	- Hình ảnh về quá trình sử dụng và truyền năng lượng. - Đèn pin, bóng đèn, nguồn điện.. - Ống thổi, chong chóng, xe đồ chơi...	- 1 bộ - 4 bộ - 4 bộ	Bài 46: Năng lượng và truyền năng lượng	
14	- Hình ảnh về quá trình sử dụng năng lượng trong các vật dụng khác nhau.	- 1 bộ	Bài 47: Một số dạng năng lượng	
15	- Hình ảnh về quá trình chuyển hóa năng lượng. - Đèn pin, quạt điện... - Bộ thí nghiệm về con lắc đơn để làm thí nghiệm về bảo toàn năng lượng. - Quả bóng tennis, thước dây, que tăm, lõi chỉ, phiếu học tập...	- 1 bộ - 4 bộ - 4 bộ - 4 bộ	Bài 48: Sự chuyển hóa năng lượng	
16	- Hình ảnh về sử dụng năng lượng trong đun nước bằng các hình thức khác nhau, sử dụng năng lượng khác. - Hình ảnh về sử dụng năng lượng trong các vật dụng: Bóng đèn, xe ô tô, quạt điện...	- 1 bộ - 1 bộ	Bài 49: Năng lượng hao phí	
17	- Hình ảnh về các nguồn năng lượng trong tự nhiên	- 1 bộ	Bài 50: Năng lượng tái tạo	

	và nhân tạo. - Hình ảnh về sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo. - Hình ảnh về lợi ích trong việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.	- 1 bộ - 1 bộ		
18	- Hình ảnh về quá trình sử dụng các loại năng lượng trong gia đình và trong cuộc sống.	- 1 bộ	Bài 51: Tiết kiệm năng lượng	
19	- Mô hình quả địa cầu, mặt trăng, mặt trời và các thiên thể.. - Hình ảnh Trái Đất, Mặt Trăng, Mặt Trời và các thiên thể.	- 4 bộ - 1 bộ	Bài 52: Chuyển động nhìn thấy của bầu trời và thiên thể	
20	- Hình ảnh Trái Đất, Mặt Trăng.	1 bộ	Bài 53: Mặt trăng	
21	- Hình ảnh về hệ Mặt Trời và các hành tinh trong hệ mặt trời. - Hộp giấy, băng dính, kéo, đinh ghim.. Và các vật dụng chế tạo dụng cụ quan sát vết đen trên Mặt Trời	- 1 bộ - 4 bộ	Bài 54: Hệ mặt trời	
22	- Hình ảnh về dải Ngân Hà. - Các vật liệu: Bìa màu xanh thẫm, màu vẽ, que làm trục quay của chong chóng, quạt điện nhỏ để tạo gió...	- 1 bộ - 1 bộ	Bài 55: Ngân hà	

3.2 Phân môn hóa

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ TN để đo nhiệt độ nóng chảy của nước đá: cốc nước đá, nhiệt kế. - Bộ TN tìm hiểu tính tan: 3 cốc nước, muối, đường, dầu ăn dũa. - Bộ TN đun nóng đường và muối: 2 bát sứ, đường, muối ăn, giá TN, đèn cồn, bật lửa. 	4 4 4	Bài 9: Sự đa dạng của chất	
2	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ TN để đo nhiệt độ sôi của nước: nước, cốc thủy tinh chịu nhiệt, nhiệt kế, đèn cồn. - Bộ TN làm nóng chảy của nước đá: nước đá, cốc thủy tinh chịu nhiệt, ống nghiệm, nhiệt kế, đèn cồn. 	4 4	Bài 10: Các thể của chất và sự chuyển thể	
3	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh: oxygen có mặt ở khắp nơi trên trái đất. - Dụng cụ: 2 ống nghiệm có nút, 1 chậu thủy tinh; 1 cốc thủy tinh hình trụ có vạch chia; diêm - Hóa chất: nước pha màu, đá, 1 cây nến gắn vào đế nhựa, nước vôi trong hoặc dung dịch kiềm loãng. 	1	Bài 11: Oxygen không khí	
4	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh về các vật dụng mũi tên bằng đá, đồ gốm, một số vật dụng trong gia đình. - Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định khả năng dẫn điện của vật liệu: Bộ mạch điện (nguồn, công tắc, bóng đèn), các vật dụng bằng kim loại, nhựa, gỗ, cao su, thủy tinh, gốm sứ. - Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định khả năng dẫn nhiệt của vật liệu: Bát sứ, các thìa bằng kim loại, gỗ, sứ, nhựa. 	1 4 4	Bài 12: Một số vật liệu	
5	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ, hóa chất: Đá vôi, dd hydrochloric acid, đĩa thủy tinh, đinh sắt, ống hút. 		Bài 13: Một số nguyên liệu	

6	- Hình ảnh, video về nguồn nhiên liệu hóa thạch... Tìm hiểu tính chất và ứng dụng của 1 số nhiên liệu: Củi, than, xăng, khí gas...		Bài 14: Một số nhiên liệu	
7	- Hình ảnh về các loại lương thực, thực phẩm và sự biến đổi của chúng. - Đoạn video về sự biến đổi của carbohydrate: - Đoạn video về dinh dưỡng hằng ngày		Bài 15: Một số lương thực thực phẩm	
8	Hoạt động dung dịch: Cần chuẩn bị 1 lọ đường, 1 bình nước cất, 1 cốc thủy tinh 100ml, 1 bộ thìa, 1 đèn cồn, 1 hộp diêm(bật lửa). - Hoạt động <i>Phân biệt huyền phù với dung dịch</i> cần chuẩn bị: 1 lọ đường, 1 lọ bột sắn dây, 2 cốc thủy tinh 100ml, 2 thìa, nước cất. - Hoạt động <i>Sự hòa tan một số chất rắn</i> cần chuẩn bị: đường, muối ăn, bột đá vôi, thìa, 3 ống nghiệm, nước.		Bài 16: Hỗn hợp các chất	
9	- Hình ảnh về một số hiện tượng tách chất ra khỏi hỗn hợp. - Đoạn video về thực hành thí nghiệm tách muối ra khỏi hỗn hợp nước muối: - Phiếu học tập KWL và phiếu học tập + Nhóm 1(tổ 1): đất, nước, 2 cốc thủy tinh, phễu lọc, giấy lọc. + Nhóm 2(tổ 2): dầu ăn, nước, 1 cốc thủy tinh, phễu chiết, chai nhựa, giá sắt, kẹp sắt.		Bài 17: Tách chất khỏi hỗn hợp	

3.3 Phân môn sinh

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
Chương V: Tế bào				
1	Máy chiếu	01	Bài 18: Tế bào – Đơn vị cơ bản của sự sống	
2	Máy chiếu	01	Bài 19: Cấu tạo và chức năng các thành	

			phần của tế bào	
3	Máy chiếu	01	Bài 20: Sự lớn lên và sinh sản của tế bào	
4	Kính hiển vi, dao mổ, thìa inox sạch, giấy thấm, lam kính, lam men, ống nhỏ giọt, kim mũi mác, nước cất đựng trong cốc thủy tinh.	04	Bài 21: Thực hành quan sát và phân biệt 1 số loại tế bào (chương 5)	
5	- Máy chiếu	01	Bài 22: Cơ thể sinh vật	
6	- Máy chiếu	01	Bài 23: Tổ chức cơ thể đa bào	
7	- Lam kính, lamên, cốc đồng, kính hiển vi, ống nhỏ giọt, giấy thấm, thìa thủy tinh. - Mô hình, tranh ảnh giải phẫu 1 số hệ cơ quan ở người.	04	Bài 24: Thực hành quan sát và mô tả cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào (chương 6)	
8	Máy chiếu	01	Bài 25: Hệ thống phân loại sinh vật	
9	Máy chiếu	01	Bài 26 : Khóa lưỡng phân	
10	Máy chiếu	01	Bài 27: Vi khuẩn	
11	- Kính hiển vi, lam kính, lamên, pipet, giấy thấm, nhiệt kế, cốc thủy tinh 1,2l, thìa trộn, nước cất, cốc thủy tinh, ấm đun nước, thùng xốp có nắp, lọ thủy tinh có nắp. - Sữa chua không đường, sữa đặc, nước lọc, sữa tươi.	04	Bài 28 : Thực hành : Làm sữa chua và quan sát vi khuẩn	
12	- Máy chiếu	01	Bài 29 : Virus	
13	- Máy chiếu	01	Bài 30 : Nguyên sinh vật	
14	- Máy chiếu, Kính hiển vi, lam kính, lamên, pipet, ống nhỏ giọt, giấy thấm,	04	Bài 31 : Thực hành : Quan sát nguyên sinh vật	

	cốc thủy tinh. - Nước ao, hồ			
15	- Máy chiếu - Mẫu vật : 1 số loại nấm	04	Bài 32: Nấm	
16	- Kính hiển vi, dao mổ, lam kính, giấy thấm, nước cất, găng tay, kính lúp, panh, kim mũi mác, lamên, pipet, kính bảo vệ mắt. - Bánh mì, mẫu gỗ, quả cam, com bị mốc - Mộc nhĩ, nấm rơm...	04	Bài 33: Thực hành : Quan sát các loại nấm	
17	- Máy chiếu - Mẫu vật : Cây rêu, dương xỉ, cây thân rễ, thân củ, cây có hoa....	04	Bài 34 : Thực vật	
18	- Kính hiển vi, kính lúp, nước cất, giấy thấm, lamên, lam kính, pipet. - Rêu tường, dương xỉ, cỏ bọ, cành thông, quả bí ngô.	04	Bài 35: Thực hành : Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật	
19	- Máy chiếu - Tranh ảnh 1 số động vật	01	Bài 36 : Động vật	
20	Ống nhòm, kính lúp, máy ảnh, điện thoại.	04	Bài 37: Thực hành : Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên	
21	- Máy chiếu	01	Bài 38 : Đa dạng sinh học	
22	- Kính lúp, nhãn dán mẫu, ống nhòm, máy ảnh, lọ đựng mẫu, vợt bắt bướm, vợt thủy sinh, panh kẹp, khóa phân loại nhóm sinh vật	04	Bài 39 : Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng TH Lí	01	100% phòng TH và các thiết bị tại phòng TH	
2	Phòng TH Sinh	01	100% phòng TH và các thiết bị tại phòng TH	
3	Phòng TH Hóa	01	100% phòng TH và các thiết bị tại phòng TH	

II. Kế hoạch dạy học²

1. Phân phối chương trình

HỌC KỲ I

1. PHÂN MÔN VẬT LÝ

Tuần	Tiết	Chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt	GHI CHÚ
1	1,2	Giới thiệu về KHTN	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên (KHTN). - Trình bày được các lĩnh vực chủ yếu của KHTN. - Hiểu được vai trò, ứng dụng của KHTN trong đời sống và sản xuất. - Phân biệt được các lĩnh vực của KHTN dựa vào đối tượng nghiên cứu. 	
	3,4	Quy tắc an toàn trong phòng thực hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các quy định, quy tắc an toàn khi học trong phòng thực hành. - Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. 	
2	5	Đo chiều dài	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài. 	

² Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

	6	Đo chiều dài	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được một số loại thước đo chiều dài. - Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. 	
3	7	Đo chiều dài	- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.	
	8	Đo khối lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng. - Sử dụng được một số loại dụng cụ đo khối lượng.. 	
4	9	Đo khối lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo khối lượng; ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. 	
	10	Đo thời gian	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu đơn vị đo thời gian trong hệ SI và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. - Trình bày được các bước sử dụng đồng hồ để đo thời gian một hoạt động và chỉ ra được cách khắc phục một số thao tác sai bằng đồng hồ khi đo thời gian. 	
5	11	Đo thời gian	<ul style="list-style-type: none"> - Đo được thời gian bằng đồng hồ. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo và ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. 	
	12	Đo nhiệt độ	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về nhiệt độ các vật. - Phát biểu được nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. 	

6	13	Đo nhiệt độ	- Nêu đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$, $^{\circ}\text{F}$) và dụng cụ thường dùng để đo nhiệt độ. - Kể tên được các loại nhiệt kế và công dụng của mỗi loại.	
	14	Đo nhiệt độ	- Trình bày được các bước sử dụng nhiệt kế tủy, nhiệt kế điện tử để đo nhiệt độ cơ thể. - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế.	
18	15	Ôn tập HK I	Các nội dung đã học	

2. PHÂN MÔN HÓA HỌC

Tuần	Tiết	Chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt	GHI CHÚ
7	1	Sự đa dạng của chất	- Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật sống, vật không sống...).	
	2	Sự đa dạng của chất	- Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lý, tính chất hoá học);	
8	3	Các thể của chất và sự chuyển thể	- Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất; - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.	
	4	Các thể của chất và sự chuyển thể	- Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất; - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.	
9	5	Oxygen và Không khí	- Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan,...). - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.	
	6	Oxygen và Không	- Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide	

		khí	(cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). - Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.	
10	7	Oxygen và Không khí	- Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.	
	8	Một số vật liệu	- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh,...) - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt,...) của một vật liệu.	
11	9	Một số vật liệu	- Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu. - Nêu được cách sử dụng một số vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.	
	10	Một số nguyên liệu	- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu. - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nguyên liệu.	
12	11	Một số nguyên liệu	- Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nguyên liệu. - Nêu được cách sử dụng nguyên liệu hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.	
	12	Một số nhiên liệu	- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu (Than, gas, xăng, dầu,...), sơ lược về an ninh năng lượng. - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số	

			nhiên liệu.	
13	13	Một số nhiên liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nhiên liệu - Nêu được cách sử dụng một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững 	
	14	Một thực, thực, thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số loại lương thực, thực phẩm 	
14	15	Một số lương thực, thực phẩm (tt)	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập số liệu, thảo luận, so sánh để rút ra tính chất của một số lương thực, thực phẩm. - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số thành phần và tính chất của một số lương thực, thực phẩm 	
	16	Hỗn hợp các chất	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm chất tinh khiết, hỗn hợp - Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất 	
15	17	Hỗn hợp các chất (tt)	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm chất tan, dung môi, dung dịch. - Thực hiện thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì. - Phân biệt được dung môi và dung dịch 	
	18	Hỗn hợp các chất (tt)	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất - Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. - Nhận ra được một số khí cũng có thể hòa tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn cũng có thể hòa tan và không tan trong nước. 	

			- Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.	
16	19	Tách chất ra khỏi hỗn hợp	– Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.	
	20	Tách chất ra khỏi hỗn hợp	– Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.	
17	21	Tách chất ra khỏi hỗn hợp	– Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.	
	22	ÔN TẬP HK I		
18	23	KT HK I (CHUNG 3 PHÂN MÔN)		

3. PHÂN MÔN SINH HỌC

Tuần	Tiết	Chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt	GHI CHÚ
2	1	Bài 3. Sử dụng kính lúp	-Trình bày được cách sử dụng kính lúp. - Nêu được cấu tạo của kính lúp cầm tay. - Nêu được tên các loại kính lúp thông dụng. - HS nêu được cách bảo quản kính lúp.	
	2	Bài 4. Sử dụng kính hiển vi quang học	- Nêu được cấu tạo của kính hiển vi quang học gồm 4 hệ thống chính. - HS nêu được cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi quang học.	
3	3	Bài 4. Sử dụng kính hiển vi quang học	-Vận dụng được kiến thức, kĩ năng để sử dụng kính hiển vi quang học vào nghiên cứu để quan sát các vật có kích thước rất nhỏ.	
	4	Bài 18. Tế bào – Đơn vị cơ bản của sự sống	- Nêu được khái niệm và chức năng của tế bào, - Biết được chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào, hiểu được	

			<p>hình dạng và kích thước của tế bào khác nhau giữa các nhóm sinh vật và giữa các cơ quan trong cùng một cơ thể.</p> <p>- Biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.</p>	
4	5	Bài 18. Tế bào – Đơn vị cơ bản của sự sống	- Kể tên được một số loại tế bào có thể quan sát được bằng mắt thường, bằng kính lúp và kính hiển vi.	
	6	Bài 19. Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào	<p>- Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào);</p> <p>- Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật;</p> <p>- Phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.</p>	
5	7	Bài 19. Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào (tt)	- Vận dụng để giải thích được màu xanh là do đâu? (lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh).	
	8	Bài 20. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào	<p>- Nêu được cơ chế giúp tế bào lớn lên</p> <p>- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào). chỉ ra được mối quan hệ giữa sự lớn lên và sinh sản của tế bào</p> <p>- Hiểu và nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.</p>	
6	9	Bài 20. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào (tt)	- Vận dụng được ý nghĩa đó vào việc có một chế độ dinh dưỡng hợp lý để có được chiều cao tối ưu.	
	10	Bài 21. Thực hành. Quan sát, phân biệt một số loại tế bào	<p>- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.</p> <p>- Tự soạn và chuẩn bị đầy đủ dụng cụ thực hành.</p> <p>- Biết và thực hiện được các bước tiến hành làm tiêu bản và quan sát tiêu bản.</p>	
7	11	Bài 21. Thực hành. Quan sát, phân biệt một số loại	<p>- Quan sát và nhận biết được các thành phần cơ bản trong tế bào.</p> <p>- Viết được bài thu hoạch và vẽ hình đã quan sát được.</p>	

		tế bào (tt)		
	12	Bài 22. Cơ thể sinh vật	- Nêu được khái niệm cơ thể. Lấy được các ví dụ minh họa - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...).	
8	13	Bài 22. Cơ thể sinh vật (tt)	- Vận dụng để phân biệt được vật sống và vật không sống: cho ví dụ	
	14	Bài 23. Tổ chức cơ thể đa bào	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể).	
9	15	Bài 23. Tổ chức cơ thể đa bào(tt)	- Kể và nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan. Lấy được các ví dụ minh họa.	
	16	Bài 23. Tổ chức cơ thể đa bào(tt)	- Hiểu và vận dụng để giải thích được vì sao khi một cơ quan trong cơ thể bị bệnh thì cả cơ thể đều bị ảnh hưởng.	
10	17	KTGK 1		
	18	KTGK 1		
11	19	Bài 24. Thực hành: Quan sát và mô tả cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào	- Tự soạn và chuẩn bị đầy đủ dụng cụ thực hành - Biết được các bước tiến hành làm tiêu bản và quan sát tiêu bản.	
	20	Bài 24. Thực hành: Quan sát và mô tả cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào(tt)	- Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...) - Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh - Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người	
12	21	Bài 25. Hệ thống phân loại sinh vật	- Nêu được khái niệm và sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống. - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.	
	22	Bài 25. Hệ thống phân loại sinh vật(tt)	- Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. - Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và	

			đa dạng về môi trường sống. - Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.	
13	23	Bài 26. Khóa lưỡng phân	- Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân .	
	24	Bài 26. Khóa lưỡng phân(tt)	• - Hiểu và trình bày được nguyên tắc xây dựng khoá lưỡng phân.	
14	25	Bài 26. Khóa lưỡng phân(tt)	- Thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.	
	26	Bài 27. Vi khuẩn	- Nêu được khái niệm vi khuẩn. - Quan sát hình ảnh và phân biệt được (3 dạng) hình dạng và cấu tạo vi khuẩn. - Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.	
15	27	Bài 27. Vi khuẩn(tt)	- Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do vi khuẩn gây ra. - Nêu được một số vai trò và ứng dụng vi khuẩn trong thực tiễn.	
	28	Bài 27. Vi khuẩn(tt)	• - Vận dụng được hiểu biết về vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, ...). - Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào). – Thực hành quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học	
16	29	Bài 28. Thực hành: Làm sữa chua và quan sát hình thái vi khuẩn	- Hiểu cách làm và làm được sữa chua. - Thực hành làm được tiêu bản quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học.	
	30	Bài 28. Thực hành: Làm sữa chua và quan sát hình	- Thực hành làm được tiêu bản quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học.	

		thải vi khuẩn(tt)		
17	31	Bài 29. Virus	- Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein).	
	32	Bài 29. Virus (tt)	- Nêu được một số bệnh do virus gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus. - Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus trong thực tiễn.	
18	33	ÔN TẬP HKI		
	34	KIỂM TRA CUỐI HKI I (CHUNG 3 PHÂN MÔN)		

HỌC KÌ II

1. PHÂN MÔN: VẬT LÝ

Tuần	Tiết thứ	Tên bài/Nội dung	Yêu cầu cần đạt (Quy định trong chương trình môn học)	GHI CHÚ
19	16-17	Bài 40. Lực là gì?	<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được sự đẩy, kéo của vật này lên vật khác là lực.- Nhận biết được lực có tác dụng làm thay đổi chuyển động, biến dạng vật.- Nhận biết được có hai loại lực là lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.- Mô tả được các hiện tượng trong đời sống có liên quan đến lực bằng các thuật ngữ vật lý.- Tìm được ví dụ về lực và tác dụng của lực trong đời sống.- Phân loại được các loại lực.- Nâng cao năng lực hợp tác trong học tập	
20	18-19	Bài 41. Biểu diễn lực	<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được các đặc trưng của lực: điểm đặt, độ lớn, phương và chiều.- Kể tên được đơn vị lực: niuton (N).- Mô tả được cấu tạo của lực kế lò xo và sử dụng được lực kế này để đo độ lớn của một số lực đơn giản.	
21	20	Bài 41. Biểu diễn lực (tt)	- Biểu diễn được lực bằng một mũi tên theo hướng của lực và mô tả đặc trưng của một lực dựa trên mũi tên biểu diễn lực này.	
	21	Bài 42. Biến dạng của lò xo	- Nhận biết được ứng dụng của lò xo và ứng dụng của nó trong một số thiết bị thường gặp	
22	22	Bài 42. Biến dạng	Thực hiện được thí nghiệm chứng minh độ giãn của lò xo treo thẳng	

		của lò xo(tt)	đúng tỉ lệ với khối lượng vật treo	
	23	Bài 43. Trọng lượng, lực hấp dẫn	- Nêu được các khái niệm: khối lượng, lực hấp dẫn, trọng lượng của vật. - Phân biệt được trọng lượng và khối lượng.	
23	24-25	Bài 43. Trọng lượng, lực hấp dẫn(tt)	- So sánh được các đặc điểm của trọng lượng và khối lượng của vật.	
24	26-27	Bài 44. Lực ma sát	- Nhận biết lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện giữa bề mặt giữa hai vật. nguyên nhân gây ra là tương tác giữa hai bề mặt của hai vật; ảnh hưởng của của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ	
25	28	Bài 44. Lực ma sát(tt)	- Phân biệt được lực ma sát trượt và lực ma sát nghỉ. Vận dụng được kiến thức về lực ma sát để giải thích được một số hiện tượng đơn giản cũng như giải quyết được một số tình huống đơn giản thường gặp liên quan đến lực ma sát.	
	29	Bài 45. Lực cản của nước	- Nhận biết được lực cản của nước và sự phụ thuộc của nó vào diện tích bề mặt cản	
26	30	Ôn tập KTGK2		
	31	Bài 45. Lực cản của nước(tt)	Giải thích được một số hiện tượng liên quan trong đời sống	

27	32	Bài 46. Năng lượng và sự truyền năng lượng	-Nhận biết được mọi sự biến đổi trong tự nhiên đều cần năng lượng. -Lấy được ví dụ chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực -	
	33	Bài 46. Năng lượng và sự truyền năng lượng(tt)	- Nhận biết được đơn vị của năng lượng là jun (J) Nhận biết được năng lượng có thể truyền từ vật này sang vật khác	
28	34	Bài 47. Một số dạng năng lượng	-Nhận biết được một số dạng năng lượng	
	35	Bài 47. Một số dạng năng lượng (tt)	Phân biệt được các dạng năng lượng theo tiêu chí (theo nguồn phát ra chúng)	
29	36	Bài 48. Sự chuyển hoá năng lượng	- Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. Chỉ ra được sự chuyển hóa năng lượng trong một số hiện tượng đơn giản (Sinh, lí,hóa)	
	37	Bài 48. Sự chuyển hoá năng lượng(tt)	- Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa	
30	38	Bài 49. Năng lượng hao phí	- Chỉ ra được năng lượng nào là hữu ích, năng lượng nào là hao phí. - Nhận biết được năng lượng hao phí thường xuất hiện dưới dạng nhiệt năng. - Nêu được năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được	

	39	Bài 50. Năng lượng tái tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các nguồn năng lượng trong tự nhiên. - Hiểu được ưu điểm, nhược điểm và sự cần thiết của việc sử dụng nguồn năng lượng tái tạo. 	
31	40	Bài 50. Năng lượng tái tạo (tt)	- Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề liên quan đến năng lượng sử dụng trong cuộc sống.	
	41	Bài 51. Tiết kiệm năng lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được tại sao phải tiết kiệm năng lượng - Biết được một số biện pháp tiết kiệm năng lượng và ứng dụng các biện pháp đó vào cuộc sống 	
32	42	Bài 52. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời. Thiên thể	- Giải thích một cách định tính và sơ lược: từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hàng ngày.	
	43	Bài 52. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời. Thiên thể (tt)	- Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng, còn Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời	
33	44	Ôn tập HKII		
	45	Bài 53. Mặt Trăng	- Hiểu được: Mặt Trăng là một vệ tinh tự nhiên duy nhất của Trái Đất	
	46	Bài 53. Mặt Trăng (tt)	- Vận dụng được kiến thức vào đời sống thực tế (nhìn Trăng đoán ngày)	

34	47	Bài 53. Mặt Trăng (tt)	- Giải thích được vì sao hình dạng của mặt trăng lại không giống nhau ở các ngày trong 1 tháng.	
	48	Bài 54. Hệ Mặt Trời	- Mô tả được sơ lược cấu trúc hệ Mặt Trời. - Nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau.	
35	49	Bài 54. Hệ Mặt Trời(tt)	- Vận dụng được kiến thức vào đời sống thực tế (Chế tạo dụng cụ quan sát vết đen trên Mặt Trời)	
	50	Bài 54. Hệ Mặt Trời(tt)	- Vận dụng được kiến thức vào đời sống thực tế (Chế tạo dụng cụ quan sát vết đen trên Mặt Trời)	
	51	Bài 55. Ngân Hà	Bằng việc tổ chức cho HS đọc theo các câu hỏi định hướng và hoạt động trải nghiệm làm một đồ chơi để hình dung được cấu trúc của Ngân Hà và vị trí của Trái Đất trong không gian vũ trụ	

2. PHÂN MÔN: SINH HỌC

Tuần	Tiết	Chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt	GHI CHÚ
19	35	Bài 30. Nguyên sinh vật	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào hình thái nhận biết được một số đại diện của nguyên sinh vật trong tự nhiên (trùng roi, trùng giày...). Nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. - Trình bày được vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và đối với con người. 	
	36	Bài 30. Nguyên sinh vật (tt)	- Nêu được một số bệnh cũng như các biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra (bệnh sốt rét, bệnh kiết lị).	

			- Trình bày được vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và đối với con người.	
20	37	Bài 30. Nguyên sinh vật (tt)	- Phân biệt nguyên sinh vật với virus và vi khuẩn.	-
	38	Bài 31. Thực hành: Quan sát nguyên sinh vật	- Nhận biết được hình dạng, cấu tạo và khả năng di chuyển của một số nguyên sinh vật.	
21	39	Bài 32. Nấm	- Kể tên được một số loại nấm và môi trường sống của chúng, từ đó thể hiện được sự đa dạng của nấm . - Phân loại được 3 đại diện của nấm dựa vào cấu trúc của cơ quan tạo bào tử.	
	40	Bài 32. Nấm (tt)	- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người. - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra ở con người, thực vật và động vật.	
22	41	Bài 32. Nấm (tt)	- Nêu được một số biện pháp phòng tránh bệnh do nấm gây ra ở con người.	
	42	Bài 33. Thực hành: Quan sát các loại nấm	- Trình bày được cách thức quan sát một số loại nấm. - Sử dụng được kính lúp, kính hiển vi để thực hiện quan sát được một số loại nấm. - Mô tả được đặc điểm của một số loại nấm dựa trên kết quả quan sát (nấm mốc, nấm đảm- nấm quả).	
23	43	Bài 33. Thực hành: Quan sát các loại nấm (tt)	- Quan sát, xác định được các bộ phận của nấm quả trên mẫu vật.	

			<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được hình ảnh một số loại nấm đã quan sát. - Tìm hiểu cách trồng và thực hiện trồng thử một mẫu nấm đảm có ích (tùy theo điều kiện của HS). 	
	44	Bài 34. Thực vật	- Phân biệt được hai nhóm thực vật có mạch và không có mạch	
24	45	Bài 34. Thực vật (tt)	- Nhận biết được các nhóm thực vật: Rêu, Dương xỉ, hạt trần, hạt kín thông qua tranh ảnh và mẫu vật	
	46	Bài 34. Thực vật (tt)	- Trình bày được vai trò của thực vật trong tự nhiên và trong đời sống.	
25	47	Bài 35. Thực hành: Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và nêu được những đặc điểm cơ thể ở những mẫu vật quan sát - Sắp xếp các mẫu vật vào những nhóm thực vật đã học. 	
	48	Ôn tập giữa HK2	• Ôn tập các bài đã học	
26	49,50	Kiểm tra giữa HK2	Thực hiện đúng quy chế thi	
27	51	Bài 35. Thực hành: Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật (tt)	- Phân biệt đưa ra dấu hiệu nhận biết về các nhóm thực vật	
	52	Bài 36. Động vật (Tiết 1)	- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.	
28	53	Bài 36. Động vật (Tiết 2)	- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.	
	54	Bài 36. Động vật (Tiết 3)	- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa	

			vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.	
29	55	Bài 36. Động vật (Tiết 4)	- Liên hệ thực tiễn, liệt kê được vai trò và tác hại của động vật trong đời sống và cho ví dụ minh họa.	
	56	Bài 37. Thực hành: Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên	- Trình bày được các yêu cầu, nhiệm vụ, cách thức quan sát động vật ngoài thiên nhiên. - Sử dụng được các dụng cụ hỗ trợ để quan sát, ghi chép kết quả quan sát (kính lúp, ống nhòm, máy ảnh).	
30	57	Bài 37. Thực hành: Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên (tt)	- Tìm kiếm, quan sát, xác định và mô tả được các đặc điểm về môi trường sống, màu sắc, hình dạng, sự di chuyển, đặc điểm đặc trưng của một số loài động vật có trong khu vực quan sát. - Phân tích, khái quát được kết quả quan sát thể hiện trong báo cáo thu hoạch.	
	58	Bài 37. Thực hành: Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên (tt)	- Trình bày, giới thiệu được kết quả thực hành và tham gia đánh giá được kết quả học tập của các nhóm bạn. - Đề xuất được các biện pháp chủ yếu giúp bảo vệ sự đa dạng động vật tại khu vực quan sát.	
31	59	Bài 38. Đa dạng sinh học	- Nêu được đặc điểm đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học	
	60	Bài 38. Đa dạng sinh học (tt)	- Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên, trong thực tiễn và cho ví dụ.	
32	61	Bài 38. Đa dạng sinh học (tt)	- Tìm được nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả. Giải thích được lí do cần bảo vệ đa dạng sinh học. - Liên hệ thực tiễn, đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.	

	62	Ôn tập KTHK2		
33	63,64	KIỂM TRA CUỐI HKI II (CHUNG 3 PHẦN MÔN)	•	
34	65	Bài 39. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố lại kiến thức về đa dạng sinh học thực vật và động vật. - Chứng minh được những đặc điểm thích nghi của thực vật và động vật với môi trường mà chúng tồn tại. 	
35	66	Bài 39. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên (tt)	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. - Nêu được tên và cách sử dụng các dụng cụ thực hành tham quan thiên nhiên chủ yếu 	

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần 10	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo khối lượng; ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. - Nêu đơn vị đo thời gian trong hệ SI và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. - Trình bày được các bước sử dụng đồng hồ để đo thời gian một hoạt động và chỉ ra được cách khắc phục một số thao tác sai bằng đồng hồ khi đo thời 	

			<p>gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên được một số loại tế bào có thể quan sát được bằng mắt thường, bằng kính lúp và kính hiển vi. - Nêu được cơ chế giúp tế bào lớn lên - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào). chỉ ra được mối quan hệ giữa sự lớn lên và sinh sản của tế bào - Hiểu và nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. 	
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	<ul style="list-style-type: none"> -- Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất – Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. - Nêu đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$, $^{\circ}\text{F}$) và dụng cụ thường dùng để đo nhiệt độ. - Kể tên được các loại nhiệt kế và công dụng của mỗi loại. - Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein). 	
Giữa Học kỳ 2	90 phút	Tuần 26	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các khái niệm: khối lượng, lực hấp dẫn, trọng lượng của vật. - Phân biệt được trọng lượng và khối lượng. - Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. Chỉ ra được sự chuyển hóa 	

			<p>năng lượng trong một số hiện tượng đơn giản (Sinh, lí,hóa)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được sơ lược cấu trúc hệ Mặt Trời. - Nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau. - Nêu được đặc điểm đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học 	
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 33	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên, trong thực tiễn và cho ví dụ. - Hiểu được tại sao phải tiết kiệm năng lượng - Biết được một số biện pháp tiết kiệm năng lượng và ứng dụng các biện pháp đó vào cuộc sống - Liên hệ thực tiễn, đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học. 	

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG

Võ Cảnh Từ

Tam Mỹ Đông, ngày 08 tháng 09 năm 2022

P.HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Thanh Tuyền